

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

**ĐỀ ÁN THÀNH LẬP HỘI ĐỒNG ĐIỀU PHỐI
HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ
ĐỔI MỚI SÁNG TẠO QUỐC GIA**

Hà Nội, Tháng 7/2021

ĐỀ ÁN THÀNH LẬP HỘI ĐỒNG ĐIỀU PHỐI HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO QUỐC GIA

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-TTg ngày tháng năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ)

I. SỰ CẦN THIẾT THÀNH LẬP HỘI ĐỒNG

1. Quan điểm, chủ trương của Đảng

Đảng và Nhà nước ta luôn xác định và khẳng định vai trò, vị trí, tầm quan trọng của Khoa học và Công nghệ (KH&CN) là quốc sách hàng đầu¹. Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011)², Nghị quyết Trung ương 6 của khóa XI (Nghị quyết số 20-NQ/TW), Kết luận số 50-KL/TW của Ban Bí thư năm 2019 và nhiều văn kiện, nghị quyết của Ban chấp hành Trung ương khóa XII đã đều khẳng định KH&CN là quốc sách hàng đầu, là nền tảng động lực phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ Tổ quốc³.

Trong quá trình tổ chức thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng về KH&CN, có vấn đề tồn tại đã được nghị Quyết 20-NQ/TW của Ban chấp hành Trung ương khóa XI về Phát triển khoa học và công nghệ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế chỉ ra là: *“Việc thể chế hoá và tổ chức thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về khoa học và công nghệ còn thiếu chủ động, quyết liệt. Chưa có các giải pháp đồng bộ và cơ chế kiểm tra, giám sát hiệu quả. Sự phối hợp giữa các bộ, ban, ngành và giữa Trung ương với các địa phương chưa chặt chẽ; nhiều khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện chậm được tháo gỡ.”* Nghị quyết 20-NQ/TW cũng đã chỉ ra nhiều giải pháp để khắc phục vấn đề trên, trong đó có giải pháp *“...tăng cường điều phối liên ngành, liên vùng.”*

Tại văn kiện Đại hội XIII, cụm từ “đổi mới sáng tạo” (ĐMST) được nhấn mạnh và nối thêm vào ngay sau cụm từ Khoa học, Công nghệ (KH&CN) đã khẳng định Khoa học và Công nghệ gắn liền với Đổi mới sáng tạo là động lực chính, là nội hàm đột phá mới phát

¹ Nghị quyết số 02-NQ/HNTW, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII, xác định: “Cùng với giáo dục - đào tạo, khoa học và công nghệ là quốc sách hàng đầu, là động lực phát triển kinh tế - xã hội, là điều kiện cần thiết để giữ vững độc lập dân tộc và xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội...”

² Cương lĩnh 2011 khẳng định: “khoa học và công nghệ giữ vai trò then chốt trong việc phát triển lực lượng sản xuất hiện đại... Phát triển khoa học và công nghệ nhằm mục tiêu đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, phát triển kinh tế tri thức, vươn lên trình độ tiên tiến của thế giới”.

³ Văn kiện Đại hội XII đặt ra nhiệm vụ “Phát triển mạnh mẽ khoa học và công nghệ, làm cho khoa học và công nghệ thực sự là quốc sách hàng đầu, là động lực quan trọng nhất để phát triển lực lượng sản xuất hiện đại, kinh tế tri thức, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế”.

triển kinh tế-xã hội trong giai đoạn 2021-2030⁴. Cụ thể, trong Chiến lược phát triển kinh tế xã hội 10 năm 2021-2030, tại mục IV-các đột phá chiến lược đã nêu *“Phát triển mạnh mẽ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số để tạo bứt phá về năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh. Có thể chế, cơ chế, chính sách đặc thù, vượt trội, thúc đẩy đổi mới sáng tạo, ứng dụng, chuyển giao công nghệ...”*, tại mục V-phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế xã hội đã nêu: *“tập trung hoàn thiện thể chế, chính sách, pháp luật phù hợp với cơ chế thị trường và thông lệ quốc tế để phát triển nền khoa học Việt Nam; phát triển mạnh khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, lấy doanh nghiệp làm trung tâm; thúc đẩy phát triển mô hình kinh doanh mới, kinh tế số, xã hội số”* và *“Cho phép thực hiện cơ chế thử nghiệm chính sách mới, thúc đẩy triển khai và ứng dụng công nghệ mới, đổi mới sáng tạo, mô hình kinh doanh mới. Xác định rõ các chỉ tiêu, Chương trình hành động để ứng dụng và phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong mọi mặt hoạt động ở các cấp, các ngành, địa phương”*.

Thực hiện chủ trương của Đảng về vai trò quan trọng của Khoa học và Công nghệ, đặc biệt trong giai đoạn tới đây có thêm nội hàm Đổi mới sáng tạo gắn với Khoa học, Công nghệ thì để KH-CN&ĐMST phục vụ phát triển kinh tế xã hội tạo nên *bứt phá về năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh*, để có thể chế, cơ chế, chính sách đặc thù, vượt trội cho KH-CN&ĐMST, để có thể *cho phép thực hiện cơ chế thử nghiệm chính sách mới, mô hình kinh doanh mới...* đòi hỏi phải có sự phối hợp, liên kết, điều phối một cách đồng bộ, đồng lòng, hiệu quả của tất cả các ngành, các cấp, các địa phương, của cả hệ thống chính trị trong phát triển và ứng dụng KH-CN&ĐMST.

2. Kinh nghiệm quốc tế

Trong bối cảnh hội nhập thương mại toàn cầu ngày càng trở nên sâu rộng, các chính sách phát triển năng lực cạnh tranh quốc gia trước đây như dựa trên khai thác tài nguyên, bảo hộ thương mại, ưu đãi thuế, ưu đãi lãi suất, hoặc chính sách tỷ giá đang ngày càng thu hẹp dư địa, có nguy cơ vi phạm các điều khoản trong các hiệp định thương mại quốc tế đa phương hoặc song phương thì nhiều quốc gia trên thế giới có xu hướng tập trung đầu tư nâng cao năng lực nghiên cứu, năng lực công nghệ, năng lực đổi mới sáng tạo, cải thiện vốn con người... tựu chung lại là tập trung phát triển hệ thống Đổi mới sáng tạo quốc gia (National Innovation System - NIS) một cách đồng bộ, trên quan điểm coi phát triển KH-CN&ĐMST là yếu tố mang tính quyết định để nâng cao năng suất và năng lực cạnh tranh quốc gia.

Từ thập niên 1970, hoạt động KH-CN&ĐMST đã được nhiều quốc gia dịch chuyển trọng tâm từ phát triển khoa học sang phát triển công nghệ và sang thúc đẩy ĐMST. Sự

⁴ Trong Chiến lược phát triển kinh tế- xã hội 10 năm 2021-2030, nội dung này được trình bày ở điểm 2, mục IV - Các đột phá chiến lược, và ở điểm 2, mục V - phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế- xã hội, với tiêu đề: phát triển mạnh mẽ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo nhằm tạo bứt phá nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế.

điều chỉnh này một phần được rút ra từ kinh nghiệm của các quốc gia trong quá trình phát triển, một phần khác do ảnh hưởng bởi các mô hình tăng trưởng kinh tế mới. Trong giai đoạn mô hình tăng trưởng tân cổ điển thống lĩnh, các quốc gia này tập trung nhiều vào khoa học cơ bản và giáo dục đại học, vì điều này giúp cho các cường quốc kinh tế (Mỹ, Liên Xô, châu Âu, Trung Quốc v.v.) có được những phát minh đột phá trong các lĩnh vực chế tạo vũ khí, chinh phục vũ trụ, công nghệ sinh học, dược phẩm, máy tính v.v. Khi mô hình tăng trưởng nội sinh bắt đầu được chú ý thì công nghệ trở thành trọng tâm và các quốc gia bắt đầu quan tâm lựa chọn các ngành chiến lược và công nghệ chiến lược để đầu tư phát triển. Các quốc gia phát triển như Hoa Kỳ và các nước thuộc Liên hiệp châu Âu chú trọng đến việc khai thác nền tảng khoa học cơ bản để hỗ trợ nhiều ngành công nghiệp, chẳng hạn nhà máy điện nguyên tử, sản xuất-chế tạo máy bay, công nghiệp máy tính...; Nhật Bản tập trung vào công nghiệp ô tô, điện tử tiêu dùng; trong khi các nước đang phát triển lúc bấy giờ như Hàn Quốc, Đài Loan lại tập trung đầu tư hỗ trợ phát triển công nghệ cho các lĩnh vực gia công xuất khẩu. Đến khi hệ thống ĐMST quốc gia (NIS) được quan tâm, thì ĐMST trở thành trọng tâm và các quốc gia không chỉ chú trọng tới việc tạo ra các phát minh hoặc đầu tư phát triển công nghệ tại các lĩnh vực quan trọng mà còn tăng cường chú trọng hơn vào việc lan tỏa tri thức, trong đó nhấn mạnh đến tăng cường các mối liên kết, các tương tác giữa các khu vực, giữa các thành tố trong hệ thống ĐMST quốc gia, thúc đẩy khởi tạo công nghệ và xây dựng các mô hình chia sẻ rủi ro khi đầu tư vào ĐMST để tạo ra nhiều ĐMST hơn.

Khi hoạt động KHCN& ĐMST ngày càng được nhìn nhận là kết quả của quá trình tương tác mang tính hệ thống thay vì là một quá trình tuyến tính, cũng như được xác định là động lực cơ bản để nâng cao năng suất, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia thì mô hình và phương thức quản lý, điều phối KHCN&ĐMST sẽ có sự thay đổi theo hướng tăng cường sự liên kết và phối hợp tổng hợp liên ngành. Các hoạt động thúc đẩy KHCN&ĐMST không chỉ liên quan đến công nghệ mà còn liên quan đến nhiều yếu tố phi công nghệ như các yếu tố tổ chức, mô hình kinh doanh, thể chế... theo đó mối quan hệ giữa chính phủ và khu vực doanh nghiệp liên tục được điều chỉnh để đưa ra các chính sách kịp thời, thích ứng với các tình huống mới thay vì dựa trên những kế hoạch khá cứng nhắc và chậm thay đổi như trước đây. Những yêu cầu khách quan này dẫn đến mô hình thể chế cho KHCN&ĐMST của các quốc gia cần được điều chỉnh để đáp ứng những nội dung sau⁵:

- *Quản trị định hướng (governance) thay vì quản lý hành chính (administration)*: Quản trị định hướng ĐMST thiên về việc đưa ra các mục tiêu ưu tiên và chương trình hành động liên quan đến ĐMST, thực thi chính sách và phân tích các phản hồi về tác động chính sách ĐMST, từ đó điều chỉnh mục tiêu và chương trình hành động ĐMST. Quản trị định hướng trong khi vẫn đảm bảo tính độc lập của các chủ thể trong hệ thống ĐMST, nó

⁵ OECD (2005). Governance of Innovation Systems: Synthesis Report.

thiết lập những cơ chế tương tác, phối hợp giữa các chủ thể này cũng như định hướng hoạt động cho các chủ thể này trên khía cạnh ĐMST để hướng đến việc đạt được mục tiêu ưu tiên đặt ra.

- *Chú trọng liên kết chiều ngang nhiều hơn liên kết chiều dọc*: Liên kết chiều dọc trong chính sách của chính phủ phát huy tác dụng đối với những lĩnh vực có sự phân định trách nhiệm rõ ràng. ĐMST trong khi đó là kết quả đến từ sự tương tác của nhiều chủ thể trong và ngoài hệ thống chính phủ. Vì thế, chính sách quản lý theo chiều dọc sẽ không thể bao quát hết được những khía cạnh mà các cơ quan chính phủ phải tham gia trừ phi thành lập một siêu bộ, dẫn đến sự chồng chéo của bộ máy hình chính quan liêu. Điều phối chính sách theo chiều ngang sẽ định hướng các chính sách riêng rẽ từ các bộ ngành và các cơ quan của chính phủ theo một chính sách ĐMST tổng thể để tạo ra hiệu ứng cộng hưởng thúc đẩy ĐMST.

- *Xây dựng chính sách dài hạn và liên tục hiệu chỉnh*: chính sách ĐMST phải là chính sách có tầm nhìn dài hạn mang tính định hướng cho các chính sách cụ thể của các bộ ngành và các cơ quan chính phủ khác. Tuy nhiên, chính sách ĐMST lại không được phép cứng nhắc mà cần phải “tiến hóa” thích ứng với nhu cầu của thực tiễn, khi có thêm thông tin, dữ liệu phản hồi từ thực tiễn. Các chính sách cụ thể của mỗi bộ ngành cũng vậy. Cần được điều chỉnh thường xuyên để tương hợp với chính sách và thực tiễn thay đổi của các bộ ngành khác.

Nghiên cứu của Tổ chức hợp tác và phát triển kinh tế (OECD) và Ngân hàng thế giới từ kinh nghiệm của các quốc gia trên thế giới cho thấy có một số mô hình thể chế quản lý chính sách ĐMST đang được các quốc gia lựa chọn áp dụng⁶. Ví dụ mô hình một cơ quan quản lý ĐMST độc lập tại một số nước Đông Âu (ví dụ Ba Lan và Serbia). Ưu điểm của mô hình này là nó cho phép cơ quan quản lý ĐMST độc lập cải thiện công tác thiết kế và triển khai chính sách ĐMST, giảm bớt các rào cản của bộ máy quan liêu cấp bộ, thu hút và giữ chân nhân tài và tăng tính chuyên nghiệp trong thiết kế và triển khai các chính sách ĐMST. Nhược điểm của mô hình này là không giải quyết được vấn đề phối hợp và việc thành lập, vận hành một cơ quan/bộ quản lý nhà nước mới sẽ gây tốn kém kinh phí đáng kể và gây mất tập trung vào những thách thức chính sách thực sự. Ở một số quốc gia khác, vai trò điều phối chính được giao cho một bộ hoặc cơ quan quản lý về KH&CN. Ưu điểm của mô hình này là không phải thêm một cơ quan quản lý mới; chỉ cần mở rộng thêm chức năng của bộ máy hiện hành. Tuy nhiên, mô hình này cũng gặp khó khăn trong việc có được sự phối hợp hiệu quả của các ngành khác như công nghiệp hoặc nông nghiệp khi

⁶ Ngân hàng thế giới (2021). *Báo cáo Khoa học, Công nghệ, và Đổi mới sáng tạo Việt Nam*. Báo cáo cuối cùng của Chương trình Hỗ trợ Phân tích và Tư vấn (ASA) của Ngân hàng Thế giới về Nâng cao Đổi mới Sáng tạo Việt Nam được chuẩn bị theo yêu cầu của Chính phủ Việt Nam – thông qua Bộ Khoa học và Công nghệ - và tài trợ bởi Chương trình Quan hệ Đối tác giai đoạn II giữa Chính phủ Úc và Ngân hàng Thế giới (ABP2).

phạm vi chính sách vượt ra ngoài phạm vi KH&CN và cần bao gồm cả ĐMST không dựa trên hoạt động nghiên cứu và triển khai (R&D) của các doanh nghiệp.

Hiện nay, nhiều quốc gia OECD đã hình thành các ủy ban hoặc hội đồng điều phối/tư vấn về KHCN&ĐMST⁷. Kinh nghiệm quốc tế cho thấy cơ quan điều phối hoạt động KHCN&ĐMST thường do người đứng đầu nhà nước/chính phủ trực tiếp điều hành để tập trung xử lý các vấn đề liên ngành liên quan đến KHCN&ĐMST mà một bộ ngành không giải quyết được. Ví dụ, tại Nhật Bản, Hội đồng chính sách KH&CN được giao nhiệm vụ này và Thủ tướng chủ trì cuộc họp hàng tháng giữa các bên có liên quan từ các bộ ngành, các nhà khoa học và đại diện khu vực doanh nghiệp. Hội đồng này cùng với Bộ Tài chính tham gia chuẩn bị cho việc phân bổ ngân sách KHCN&ĐMST của Chính phủ. Mô hình của Hàn Quốc cũng khá giống của Nhật Bản. Hội đồng Cố vấn Tổng thống về Khoa học và Công nghệ của Hàn quốc (PACST) là một hội đồng quốc gia, do Tổng thống làm chủ tịch hội đồng, có mục tiêu áp dụng đổi mới trong khoa học và công nghệ. PACST xem xét về các vấn đề liên quan đến các dự án R&D quốc gia cũng như điều phối các chính sách và kế hoạch lớn để thúc đẩy khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo nói chung. PACST cũng có chức năng cùng Bộ Tài chính phân bổ ngân sách và điều chỉnh cho R&D hàng năm và khuyến nghị cho các tổ chức KH&CN nhà nước.

3. KHCN&ĐMST trong phát triển kinh tế-xã hội ở nước ta thời gian qua

Kết quả đạt được

Được sự quan tâm, chỉ đạo sát sao của Quốc Hội, Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ, hệ thống pháp luật về KH&CN ngày càng được hoàn thiện với 08 đạo luật chuyên ngành, các văn bản dưới luật, các chiến lược, quy hoạch, chương trình, đề án phát triển đã tạo môi trường pháp lý thuận lợi và khá đồng bộ, điều chỉnh các lĩnh vực hoạt động KHCN&ĐMST. Chức năng quản lý nhà nước và hoạt động sự nghiệp được tách bạch; cơ chế tuyển chọn, đặt hàng, khoán chi đối với nhiệm vụ KH&CN được thực hiện; cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm đối với các tổ chức KH&CN công lập được áp dụng...

Nhờ những hoạt động chỉ đạo và quản lý có hiệu quả của cả hệ thống chính trị, KH&CN nước ta đã khẳng định vai trò động lực trong phát triển kinh tế-xã hội. Những đóng góp quan trọng của KHCN&ĐMST trong thành tựu phát triển chung của đất nước giai đoạn vừa qua thể hiện qua các kết quả nổi bật sau:

- Khoa học công nghệ ứng dụng thể hiện qua trình độ công nghệ có những bước tiến rõ nét. Chỉ số đóng góp của năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng tăng từ 33,6% bình quân giai đoạn 2011-2015 lên 45,2% giai đoạn 2016-2020 (vượt mục tiêu 35%); KH&CN ngày càng đóng góp nhiều vào giá trị gia tăng của sản phẩm hàng hóa

⁷ OECD (2005). Governance of Innovation Systems: Synthesis Report.

- Tốc độ tăng năng suất lao động bình quân giai đoạn 2016-2020 là 5,8% năm (cao hơn mức 4,3% năm của giai đoạn 2011-2015);

- Tỷ trọng giá trị xuất khẩu sản phẩm công nghệ cao trong tổng giá trị xuất khẩu hàng hóa tăng từ 19% năm 2010 lên khoảng 50% năm 2020;

- Chỉ số ĐMST của Việt Nam (GII) trong những năm gần đây liên tục tăng vượt bậc. Năm 2017 tăng 12 bậc, năm 2018 tăng tiếp 2 bậc, năm 2019 tăng 3 bậc, năm 2020 xếp thứ 42/131 quốc gia, dẫn đầu nhóm quốc gia có cùng mức thu nhập và đứng thứ 3 trong ASEAN sau Singapore và Malaysia;

- Hệ sinh thái khởi nghiệp ĐMST Việt Nam bắt đầu được hình thành và phát triển. Hiện nay có khoảng hơn 3000 doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo tại VN. Số lượng vốn được công bố đầu tư vào các doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo liên tiếp tăng trưởng cao (đạt xấp xỉ 1 tỷ USD liên tiếp trong 2 năm gần đây), đưa Việt Nam trở thành quốc gia năng động thứ 3 ASEAN về khởi nghiệp sáng tạo.

- Nguồn lực tài chính từ xã hội cho KH&CN tăng mạnh. Tỷ trọng đầu tư giữa Nhà nước và doanh nghiệp được cải thiện theo chiều hướng tích cực. Nếu như 10 năm trước đây kinh phí hoạt động KH&CN chủ yếu dựa vào ngân sách nhà nước (chiếm khoảng 70-80% tổng đầu tư cho KH&CN) thì đến nay đầu tư cho KH&CN từ ngân sách nhà nước và từ doanh nghiệp đã tương đối cân bằng với tỷ lệ tương ứng là 52% và 48%.

Thành tựu KH&CN đã được ghi nhận trải rộng trên hầu hết các ngành và lĩnh vực. Trong ngành Y tế, KH&CN đã có nhiều đóng góp tích cực trong hoạt động phòng chống dịch bệnh Covid-19. Đầu tư nghiên cứu KH&CN trong một thời gian dài là nền tảng để phát triển nhanh các sản phẩm như: bộ KIT phát hiện virus SARS-CoV-2; sản phẩm vắc xin phòng Covid-19. Trong ngành Công thương, các doanh nghiệp trong nước đã làm chủ công nghệ trong chế tạo giàn khoan, vận hành hệ thống điện, v.v.⁸ Trong ngành Nông nghiệp, đã nghiên cứu, chọn tạo thành công và đưa vào sản xuất nhiều giống cây trồng, vật nuôi và thủy sản có năng suất, chất lượng, có giá trị kinh tế cao góp phần đưa xuất khẩu sản phẩm nông nghiệp của Việt Nam đạt trên 40 tỷ USD năm 2020. Trong, ngành Xây dựng, nhiều doanh nghiệp trong nước đã làm chủ công nghệ trong thiết kế, thi công nhà cao tầng, sản xuất nhiều loại vật liệu xây dựng mới để thay thế hàng nhập khẩu.⁹ Ngành giao thông đã làm chủ nhiều công nghệ trong thiết kế, thi công đường cao tốc, cầu với nhịp cầu lớn, công trình ngầm. Ngành công nghệ thông tin đã có sự phát triển nhảy vọt, doanh thu của Công nghệ thông tin-truyền thông vào năm 2019 là 120 tỉ USD, gấp 400 lần năm 2000, tương ứng mức tăng trưởng bình quân 37%/năm trong suốt 19 năm.¹⁰

⁸ <https://www.most.gov.vn/vn/tin-tuc/20099/buoc-dot-pha-cua-khoa-hoc-va-cong-nghe.aspx>

⁹ <https://moc.gov.vn/vn/tin-tuc/1184/63836/nganh-san-xuat-vat-lieu-xay-dung--phat-trien-manh-ve-so-luong--chat-luong.aspx>

¹⁰ <https://tuoitre.vn/20-nam-phat-trien-cong-nghe-thong-tin-va-trien-vong-doi-moi-mo-hinh-tang-truong-cua-viet-nam-20201225170005992.htm>

Trong những năm vừa qua, nhiều tổ chức liên ngành được thành lập, bù đắp cho năng lực điều hành của chính phủ và đã giải quyết được nhiều vấn đề liên ngành. Những tổ chức liên ngành đã có nhiều đóng góp như: Ủy Ban Quốc gia về Chính phủ Điện tử¹¹, Hội đồng Tư vấn cải cách thủ tục hành chính của Thủ tướng Chính phủ¹². Đối với ngành KH&CN, Hội đồng Chính sách Khoa học Và Công nghệ Quốc gia đã được thành lập từ năm 1992. Trải qua nhiều nhiệm kỳ Thủ tướng Chính phủ, Hội đồng Chính sách Khoa học và Công nghệ Quốc gia đã có nhiều khuyến nghị với Thủ tướng Chính phủ và các cơ quan liên quan ban hành, triển khai cơ chế, chính sách phát triển tiềm lực KH&CN, nguồn nhân lực KH&CN, chính sách đầu tư và cơ chế tài chính cho hoạt động KH&CN, và phát triển thị trường công nghệ.

Hạn chế

Mặc dù mô hình thể chế quản lý nhà nước về KH&CN&ĐMST hiện tại đã mang lại những thành công nhất định trong việc nâng cao đóng góp của KH&CN&ĐMST cho tăng trưởng kinh tế và phát triển kinh tế-xã hội nhưng mô hình này còn có một số tồn tại, hạn chế:

- Chưa xây dựng hành lang pháp lý và môi trường thuận lợi để thúc đẩy doanh nghiệp tích cực, chủ động thực hiện đổi mới công nghệ, đổi mới sáng tạo.
- Còn thiếu vắng những chính sách hiệu quả mang tính liên ngành để khuyến khích doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp nhỏ và vừa, tích cực ứng dụng và làm chủ công nghệ.
- Chưa thiết kế được nhiều chương trình, nhiệm vụ KH&CN có tầm vóc và phạm vi tác động sâu rộng liên ngành.
- Chưa hình thành được thị trường KH&CN vốn đòi hỏi sự tham gia của nhiều bộ ngành và địa phương.
- Chưa có sự phối hợp tốt với cộng đồng doanh nghiệp để thiết kế các quy định thực hiện các nhiệm vụ KH&CN sử dụng NSNN sao cho phù hợp với nhóm đối tượng này.
- Còn thiếu sự đồng bộ trong các quy định dẫn tới Quỹ phát triển KH&CN của các doanh nghiệp chưa được khơi thông sử dụng để đầu tư, đổi mới, ứng dụng công nghệ, hỗ trợ ĐMST; Một số cơ chế ưu đãi thuế cho đầu tư nghiên cứu khoa học, đổi mới công nghệ còn khó thực thi do chưa có sự đồng bộ trong các quy định pháp luật về thuế và pháp luật về KH&CN; Chính sách về mua sắm công chưa tạo động lực khuyến khích cho việc sử dụng sản phẩm, dịch vụ là kết quả của hoạt động nghiên cứu khoa học, đổi mới, phát triển công nghệ của doanh nghiệp trong nước.

¹¹ <http://egov.chinhphu.vn/kinh-nghiem-dong-gop-vao-qua-trinh-phat-trien-chinh-phu-dien-tu-a-NewsDetails-37879-14-186.html>

¹² <http://baochinhphu.vn/Tin-noi-bat/Hoi-dong-Tu-van-cai-cach-TTHC-cua-Thu-tuong-trien-khai-nhiem-vu/365920.vgp>

- Thiếu sự phối hợp có hiệu quả giữa các bộ ngành trong giải quyết các vướng mắc về quy định pháp luật liên quan đến chuyển giao các kết quả nghiên cứu khoa học, đặc biệt là các kết quả phát triển công nghệ từ nguồn vốn hỗ trợ của nhà nước cho doanh nghiệp để tạo thành sản phẩm, hàng hóa cung cấp cho thị trường, tiêu biểu là các quy định liên quan đến hoàn trả giá trị và phân chia lợi nhuận.

- Chưa có những giải pháp mang tính liên ngành để tăng cường tính tự chủ của các tổ chức KH&CN, khiến cho các tổ chức này còn thụ động trong việc tiếp cận thị trường thông qua đặt hàng của các doanh nghiệp, và do vậy, còn phụ thuộc vào sự hỗ trợ của nhà nước.

- Chưa có các giải pháp phối hợp hiệu quả giữa các Viện nghiên cứu, Trường đại học với các doanh nghiệp để đưa nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ vào thực tiễn, sản xuất kinh doanh.

Nguyên nhân

Những hạn chế về mô hình thể chế quản lý nhà nước về KH&CN&ĐMST hiện tại trước hết là do trình độ phát triển của nền kinh tế Việt Nam còn thấp, nên trong một thời gian dài, các cơ quan quản lý nhà nước chủ yếu tập trung xây dựng thể chế chính sách để thu hút vốn đầu tư cũng như giải phóng sức lao động của người dân để thúc đẩy tăng trưởng kinh tế mà chưa chú trọng nhiều vào xây dựng thể chế chính sách để thu hút đầu tư cho phát triển KH&CN&ĐMST. Trên thực tiễn, đa số các quốc gia thành công đều quan tâm đến KH&CN từ rất sớm, nhưng sau khi trở thành quốc gia có thu nhập trung bình và có nguy cơ bị kẹt trong bẫy thu nhập trung bình, thì trong giai đoạn tăng tốc phát triển (đặc biệt các quốc gia và vùng lãnh thổ ở Đông Á như Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan, Trung Quốc) đều có sự quan tâm và đầu tư đặc biệt cho xây dựng thể chế chính sách để thúc đẩy phát triển KH&CN&ĐMST.

Bên cạnh đó, trong khi KH&CN là những nhân tố đóng góp cho sự phát triển kinh tế và tiến bộ xã hội đã được biết đến từ lâu thì ĐMST là một nhân tố mới, mới được tập trung nghiên cứu và xây dựng chính sách trên thế giới từ 2 đến 3 thập kỷ gần đây. Tại Việt Nam, việc quan tâm đến xây dựng chính sách ĐMST cũng mới chỉ được thực sự quan tâm gần đây¹³.

Mô hình tổ chức quản lý nhà nước về KH&CN trong thời gian vừa qua được tổ chức gần tương tự như cách thức quản lý các ngành sản xuất khác, trong khi đó

¹³ Báo cáo “Science, Technology and Innovation in Viet Nam” do OECD tiến hành nghiên cứu ở Việt Nam năm 2014 có lẽ là nghiên cứu tổng thể đầu tiên về hoạt động ĐMST và chính sách ĐMST gắn với KH&CN ở Việt Nam. Nội dung ĐMST được đưa vào lần đầu tiên trong Văn kiện Đại hội XII ở đoạn: “Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về khoa học, công nghệ. Tăng cường tiềm lực khoa học, công nghệ và xây dựng hệ thống đổi mới sáng tạo quốc gia, phát huy năng lực sáng tạo của mọi cá nhân, doanh nghiệp, tổ chức” và được cụ thể hoá hơn Nghị quyết của Đảng lần đầu tiên tại Nghị quyết 05 về “một số chủ trương, chính sách lớn nhằm tiếp tục đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao chất lượng tăng trưởng, năng suất lao động, sức cạnh tranh của nền kinh tế”.

KHCN&ĐMST là lĩnh vực đặc thù, có độ trễ và độ rủi ro cao. Hoạt động quản lý nhà nước về KH&CN chủ yếu được tổ chức dưới hình thức các chương trình, đề tài, dự án nghiên cứu sử dụng ngân sách nhà nước (từ xác định nhiệm vụ, đến tuyển chọn thực hiện, đánh giá nghiệm thu, phổ biến, chuyển giao kết quả nghiên cứu v.v..). Mô hình này bộc lộ nhiều bất cập khi phải xử lý những đòi hỏi của thực tiễn trong thời gian vừa qua về thúc đẩy hoạt động ĐMST trên tất cả các lĩnh vực và trên cả nước.

Phân tích các nguyên nhân trên, có thể thấy một vấn đề chung trong mô hình thể chế quản lý nhà nước về KHCN&ĐMST của nước ta hiện nay là do thiếu vắng một cơ chế phối hợp hiệu quả giữa các bộ, ngành và địa phương trong việc xây dựng và thực thi các cơ chế, chính sách cũng như điều phối các hoạt động về KHCN&ĐMST.

Bài học kinh nghiệm

Các bài học kinh nghiệm rút ra từ thực tiễn quản lý hoạt động KHCN&ĐMST trong nước trong thời gian vừa qua là:

- Cần nắm bắt được xu hướng thời đại để kịp thời đổi mới thể chế chính sách phù hợp với yêu cầu và bối cảnh mới. Vừa qua, trong văn kiện Đại hội XIII đã xác định KHCN&ĐMST là nhân tố chính, là một nội hàm đột phá mới để tăng trưởng kinh tế trong giai đoạn 2021-2030 nên việc học hỏi các mô hình thể chế quản lý trên thế giới đối với hoạt động KHCN&ĐMST để áp dụng phù hợp cho nước ta là phù hợp với xu hướng thời đại.

- Cải cách thể chế phải đi trước một bước để mở đường cho phát triển. Đây là thực tiễn được Đảng và Nhà nước ta đúc rút kinh nghiệm trong hơn 30 năm đổi mới. Vì thế, để KHCN&ĐMST thực sự là quốc sách hàng đầu thì cần xây dựng được mô hình thể chế chính sách mới để điều phối hoạt động KHCN&ĐMST trong giai đoạn tới.

- Cần tăng cường điều phối chung về định hướng hoạt động, phân bổ nguồn lực... cho phù hợp với tính chất đa ngành của KHCN&ĐMST để giải quyết những vấn đề có tính liên ngành, xuyên ngành, đảm bảo cho việc phát triển tiềm lực KHCN&ĐMST có trọng tâm, trọng điểm, mang lại hiệu quả cao.

- Cần tập trung rà soát, thống nhất, đồng bộ hệ thống chính sách KHCN&ĐMST bởi nhiều cơ chế, chính sách do các Bộ, ngành chủ trì xây dựng mới đang đáp ứng yêu cầu chung nhưng chưa phù hợp với đặc thù của hoạt động KHCN&ĐMST, do đó có sự chồng chéo, thiếu hiệu quả của hệ thống chính sách KHCN&ĐMST với hệ thống chính sách khác về kinh tế, đầu tư, quản lý nhân lực...

- Cần có sự điều hành, chỉ đạo trực tiếp từ người đứng đầu Chính phủ, cụ thể là Thủ tướng Chính phủ, để giải quyết các vấn đề mang tính chiến lược, các vấn đề có tính liên ngành (như hoạt động KHCN&ĐMST) mà bình thường một vài Bộ, ngành sẽ không thể giải quyết được. Đây chính là kinh nghiệm thành công về cải cách thủ tục hành chính, xây

dựng chính phủ điện tử... trong thời gian vừa qua và cần được áp dụng trong việc xây dựng mô hình thể chế điều phối hoạt động KHCN&ĐMST cho giai đoạn hiện nay.

4. Kết luận

Từ quan điểm, chủ trương của Đảng về vai trò của KHCN&ĐMST đối với phát triển kinh tế xã hội, từ kinh nghiệm quốc tế, từ thực tiễn trong nước thời gian qua... đều chỉ ra sự cần thiết phải thành lập một tổ chức phối hợp liên ngành do Thủ tướng Chính phủ đứng đầu để điều phối hoạt động KHCN&ĐMST nhằm khắc phục căn bản những hạn chế đang đặt ra và tận dụng những cơ hội mở ra trong bối cảnh mới. Tổ chức phối hợp liên ngành này có nhiệm vụ:

- Tạo ra sự đồng thuận chung trong việc xây dựng và thực thi các chính sách KHCN&ĐMST;

- Theo dõi, đôn đốc các bộ ngành thực thi chính sách, vận hành các chương trình, triển khai các hoạt động KHCN&ĐMST mang tính liên ngành;

- Có ý kiến quyết định về các mục tiêu chiến lược, các định hướng, và phân bổ các loại nguồn lực để thực hiện mục tiêu liên quan đến KHCN&ĐMST;

- Tạo kênh đối thoại với các thành phần của hệ thống ĐMST quốc gia như khu vực doanh nghiệp trong nước, khu vực doanh nghiệp FDI, khu vực viện trường, các cơ quan nhà nước;

- Tham vấn điều phối các vấn đề mới, có tính khẩn cấp trong phát triển và ứng dụng KHCN&ĐMST;

- Trực tiếp tổ chức và thực hiện một số hoạt động nghiên cứu, phân tích, dự báo về phát triển KHCN&ĐMST và hoạch định chính sách KHCN&ĐMST.

II. CĂN CỨ THÀNH LẬP HỘI ĐỒNG

- Nghị Quyết 20-NQ/TW của Ban chấp hành Trung ương khóa XI về Phát triển khoa học và công nghệ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế đã nêu rõ: *“Việc thể chế hoá và tổ chức thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về khoa học và công nghệ còn thiếu chủ động, quyết liệt. Chưa có các giải pháp đồng bộ và cơ chế kiểm tra, giám sát hiệu quả. Sự phối hợp giữa các bộ, ban, ngành và giữa Trung ương với các địa phương chưa chặt chẽ; nhiều khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện chậm được tháo gỡ.”*, và đề ra giải pháp *“...tăng cường điều phối liên ngành, liên vùng.”*

Kết luận số 50-KL/TW ngày 30/5/2019 của Ban Bí thư về việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết 20-NQ/TW nêu rõ: *“Tiếp tục đổi mới đồng bộ cơ chế, phương thức quản lý tổ chức, hoạt động khoa học và công nghệ đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới. Đổi mới hệ thống sáng tạo quốc gia theo hướng lấy doanh nghiệp làm trung tâm; trường đại học, viện nghiên cứu là chủ thể nghiên cứu chủ yếu, là yếu tố “lõi” của hệ thống khoa học quốc gia.”*

- Văn kiện Đại hội lần thứ XIII của Đảng đã khẳng định “*Phát triển mạnh mẽ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số để tạo bứt phá về năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh. Có thể chế, cơ chế, chính sách đặc thù, vượt trội, thúc đẩy đổi mới sáng tạo, ứng dụng, chuyển giao công nghệ...*”, “*tập trung hoàn thiện thể chế, chính sách, pháp luật phù hợp với cơ chế thị trường và thông lệ quốc tế để phát triển nền khoa học Việt Nam; phát triển mạnh khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, lấy doanh nghiệp làm trung tâm; thúc đẩy phát triển mô hình kinh doanh mới, kinh tế số, xã hội số*”, “*Cho phép thực hiện cơ chế thử nghiệm chính sách mới, thúc đẩy triển khai và ứng dụng công nghệ mới, đổi mới sáng tạo, mô hình kinh doanh mới. Xác định rõ các chỉ tiêu, Chương trình hành động để ứng dụng và phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong mọi mặt hoạt động ở các cấp, các ngành, địa phương*”.

- Nghị Quyết số 52-NQ/TW của BCH TW về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ 4 đã nêu rõ: “*Xác định nội dung cốt lõi của chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư của nước ta là thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trên tất cả các ngành, lĩnh vực và thúc đẩy chuyển đổi số quốc gia, trọng tâm là phát triển kinh tế số, xây dựng đô thị thông minh, chính quyền điện tử, tiến tới chính quyền số*”.

- Quyết định số 34/2007/QĐ-TTg ngày 12 tháng 3 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế thành lập, tổ chức và hoạt động của tổ chức phối hợp liên ngành.

- Thông báo Số 145/TB-VPCP của Văn phòng Chính phủ về kết luận của Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính tại buổi làm việc với Bộ Khoa học và Công nghệ về tình hình thực hiện nhiệm vụ, những vấn đề tồn đọng cần giải quyết, trong đó có nội dung: “*Giao Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các cơ quan nghiên cứu, đề xuất phương án thành lập Hội đồng điều phối hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, báo cáo Thủ tướng Chính phủ*”.

III. ĐỀ XUẤT THÀNH LẬP HỘI ĐỒNG ĐIỀU PHỐI HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO QUỐC GIA

1. Tên gọi

Căn cứ thông báo Số 145/TB-VPCP ngày 3/6/2021 của Văn phòng Chính phủ về kết luận của Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính tại buổi làm việc với Bộ Khoa học và Công nghệ về tình hình thực hiện nhiệm vụ, những vấn đề tồn đọng cần giải quyết, tên gọi của tổ chức là: “**Hội đồng điều phối hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia**” (sau đây gọi tắt là Hội đồng).

Trong quá trình trao đổi, lấy ý kiến của các cơ quan có liên quan, sẽ thống nhất tên của tổ chức nhằm phản ánh đúng chức năng, nhiệm vụ để trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

2. Vai trò

Hội đồng là tổ chức phối hợp liên ngành nhằm giúp Thủ tướng Chính phủ trong chỉ đạo, điều hòa, phối hợp giữa các các bộ, ngành, địa phương cũng như tham mưu cho Thủ tướng chính phủ trong xác định phương hướng, giải pháp để giải quyết những vấn đề quan trọng, liên ngành về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

3. Chức năng và nhiệm vụ

Hội đồng điều phối hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo có chức năng và nhiệm vụ chính như sau:

a) Nghiên cứu đề xuất với Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về chủ trương, chiến lược, cơ chế, chính sách tạo môi trường pháp lý thúc đẩy xây dựng, phát triển KHCN&ĐMT toàn diện, để KHCN&ĐMST thực sự trở thành nhân tố chính của mô hình tăng trưởng kinh tế của nước ta trong giai đoạn 2021-2030.

b) Giúp Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo, điều hòa, phối hợp giữa các bộ, ngành, địa phương thực hiện các cơ chế chính sách, các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp để phát triển mạnh mẽ khoa học, công nghệ, và đổi mới sáng tạo và để thúc đẩy khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đóng góp vào phát triển kinh tế-xã hội.

c) Giúp Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ điều phối, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện các chiến lược, chương trình, cơ chế, chính sách, đề án, giải pháp có tính liên ngành về KHCN&ĐMST.

d) Cho ý kiến về các chiến lược, chương trình, cơ chế, chính sách, đề án, dự án liên quan đến xây dựng, phát triển KHCN&ĐMST thuộc thẩm quyền quyết định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

đ) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo yêu cầu của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

4. Thành viên của Hội đồng

- *Chủ tịch Hội đồng là Thủ tướng Chính phủ*, có nhiệm vụ chỉ đạo, điều hành toàn diện hoạt động của Hội đồng.

Như trên đã trình bày, một hạn chế lớn nhất hiện nay trong việc xây dựng và triển khai các hoạt động KHCN&ĐMST hướng đến thúc đẩy tăng trưởng kinh tế là sự thiếu vắng một cơ chế hiệu quả trong việc phối hợp giữa các bộ ngành để giải quyết những vấn đề thuộc về bản chất của hoạt động KHCN&ĐMST. Theo kinh nghiệm của các quốc gia như Nhật Bản, Hàn Quốc, Hà Lan v.v. đã chỉ ra, Hội đồng cần có sự điều hành và chỉ đạo từ Lãnh đạo cấp cao nhất của Chính phủ để giải quyết những vấn đề có tính liên ngành mà một vài Bộ, ngành sẽ không thể giải quyết được.

- *Phó Chủ tịch thường trực Hội đồng là Phó thủ tướng Chính phủ phụ trách ngành (KHCN&ĐMST)*. Phó Chủ tịch thường trực có nhiệm vụ giúp Thủ tướng Chính phủ, Chủ

tịch Hội đồng trực tiếp chỉ đạo các hoạt động của Hội đồng; xem xét, giải quyết các nhiệm vụ thường xuyên của Hội đồng.

- Một *Phó Chủ tịch Hội đồng* là Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ, có nhiệm vụ giúp Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch Hội đồng một số hoạt động của Hội đồng; xem xét, giải quyết một số nhiệm vụ thường xuyên của Hội đồng theo phân công, ủy quyền của Chủ tịch Hội đồng và của Phó chủ tịch thường trực Hội đồng. Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ, Phó Chủ tịch Hội đồng chịu trách nhiệm chỉ đạo, tổ chức triển khai các kết luận của Hội đồng.

- Một *Phó Chủ tịch Hội đồng* là Bộ trưởng Bộ kế hoạch và Đầu tư, có nhiệm vụ giúp Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch Hội đồng một số hoạt động của Hội đồng; chủ trì, phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ trong việc kiểm tra, đôn đốc, hướng dẫn triển khai thúc đẩy ứng dụng, hấp thụ, lan tỏa và phát triển KHCN&ĐMST trong khối doanh nghiệp - trung tâm của hệ thống đổi mới sáng tạo quốc gia.

- *Các ủy viên Hội đồng* là đại diện một số bộ ngành (cấp thứ trưởng trở lên), đại diện UBND một số địa phương (cấp Chủ tịch tỉnh trở lên), đại diện một số viện nghiên cứu và trường đại học lớn, và đại diện khối doanh nghiệp.

Do hoạt động KHCN&ĐMST có tính liên ngành nên các ủy viên hội đồng không nên chỉ từ các cơ quan quản lý nhà nước, mà nên có thêm từ các viện trường và đặc biệt từ khu vực doanh nghiệp. Vì thế, số lượng cụ thể của các ủy viên Hội đồng có thể thay đổi để phù hợp với tình hình thực tiễn nhưng cơ cấu thành phần của các ủy viên cần phải được duy trì (dự kiến tỷ lệ khối bộ ngành 50%; khối địa phương 15%; khối Viện trường 20%; khối doanh nghiệp 15%).

5. Tổ chức và hoạt động của Hội đồng

- Các thành viên Hội đồng làm việc theo Quy chế hoạt động của Hội đồng. Chủ tịch Hội đồng, Phó Chủ tịch thường trực Hội đồng sử dụng con dấu của Thủ tướng Chính phủ, các thành viên khác sử dụng con dấu của cơ quan mình.

- Thành lập Tổ công tác giúp việc Hội đồng (sau đây gọi tắt là Tổ công tác) để giúp việc cho Hội đồng trong công tác chỉ đạo, điều hòa, phối hợp và đôn đốc giữa các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các địa phương trong việc thực hiện, giải quyết những vấn đề quan trọng, liên ngành về KHCN&ĐMST.

Tổ công tác đặt tại Bộ Khoa học và Công nghệ do Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ làm Tổ trưởng và có các Tổ phó gồm Thứ trưởng một số Bộ và lãnh đạo UBND một số địa phương. Tổ công tác gồm đại diện lãnh đạo cấp Vụ của một số Bộ, ngành; đại diện lãnh đạo một số địa phương; đại diện lãnh đạo một số viện nghiên cứu, trường đại học và doanh nghiệp. Trong trường hợp cần thiết, Tổ công tác được huy động các chuyên gia tư vấn trong và ngoài nước để thực hiện nhiệm vụ được giao.

- Thành lập Ban chính sách KHCN&ĐMST (sau đây gọi tắt là Ban chính sách) để giúp việc cho Hội đồng trong công tác phân tích, nghiên cứu, đề xuất về các cơ chế, chính sách và môi trường thuận lợi cho hoạt động KHCN & ĐMST, trong đó chú trọng tới phối hợp đa ngành để đưa ra và thực thi các chính sách cho KHCN&ĐMST khi cần có những đột phá hay thử nghiệm chính sách mạnh thuộc thẩm quyền quyết định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ cho các ngành, lĩnh vực kinh tế-xã hội.

Ban chính sách đặt tại Bộ Khoa học và Công nghệ, do Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ làm Trưởng ban và có các Phó ban. Ban chính sách gồm các chuyên gia về chính sách trong và ngoài nước (chuyên gia độc lập hoặc do các cơ quan, tổ chức giới thiệu) trong các lĩnh vực.

Theo kinh nghiệm trong và ngoài nước, các cơ quan hoạch định, tổ chức thực thi, điều phối chính sách luôn cần có đủ cơ sở khoa học về lý luận và thực tiễn cho các quyết định. Các cơ quan này có thể thành lập các bộ phận nghiên cứu, phân tích trực thuộc hoặc thuê các dịch vụ tư vấn của các tổ chức ngoài (ví dụ *Quốc hội Hoa kỳ sử dụng Trung tâm nghiên cứu Pew của Quốc hội, còn Hội đồng chính sách KH&CN Nhật bản sử dụng dịch vụ tư vấn của Viện GRIPS và NISTEP*). Do việc xây dựng cơ sở khoa học cho các quyết sách hay cho các hoạt động điều phối về KHCN&ĐMST cho các ngành, các lĩnh vực là có tính liên ngành cao nên việc tổ chức Ban chính sách KHCN&ĐMST trực thuộc Hội đồng là cần thiết và để không hòa lẫn vào các hoạt động điều hành, điều phối, đôn đốc của Tổ công tác (*rút kinh nghiệm trước đây, Hội đồng Chính sách Khoa học và Công nghệ Quốc gia đã có một số tư vấn chính sách về KH&CN nhưng do chưa có đủ chức năng, thẩm quyền và nguồn lực cần thiết để thực thi các hoạt động điều phối chính sách đa ngành, liên ngành một cách toàn diện cho KHCN&ĐMST nên kết quả chưa được như mong muốn*).

- Bộ Khoa học và Công nghệ là cơ quan thường trực của Hội đồng, có trách nhiệm bảo đảm các điều kiện cần thiết cho hoạt động của Hội đồng, Tổ công tác, và Ban chính sách.

- Học viện Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo trực thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ làm nhiệm vụ thường trực của Tổ công tác và của Ban chính sách, đảm bảo các điều kiện cần thiết cho hoạt động hành chính và tổng hợp các nội dung chuyên môn phục vụ cho Hội đồng, cho Tổ công tác và cho Ban chính sách.

- Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ, Phó chủ tịch Hội đồng:

+ Trình Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch Hội đồng phê duyệt danh sách thành viên Hội đồng, lãnh đạo Tổ công tác, lãnh đạo Ban chính sách, Quy chế làm việc của Hội đồng;

+ Phê duyệt danh sách thành viên Tổ công tác và thành viên Ban chính sách; phê duyệt Quy chế làm việc của Tổ công tác và Ban chính sách.

- Các thành viên Hội đồng, thành viên Tổ công tác và Ban chính sách làm việc theo chế độ kiêm nhiệm và được hưởng các chế độ theo quy định hiện hành, không làm phát sinh biên chế tăng thêm của các cơ quan, tổ chức có thành viên tham gia Hội đồng, Tổ công tác và Ban chính sách KH&ĐMST.

- Kinh phí hoạt động của Hội đồng, Tổ công tác và Ban chính sách được bố trí từ nguồn ngân sách nhà nước cấp cho Bộ Khoa học và Công nghệ và các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

PHỤ LỤC

Phụ lục 1 – Kinh nghiệm của một số tổ chức điều phối chính sách khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trên thế giới

Kinh nghiệm của Nhật Bản - Hội đồng chính sách KH&CN

Văn phòng Hội đồng được thành lập vào tháng 01 năm 2001 và đặt tại Văn phòng nội các như là một trong những hội đồng cao nhất của Chính phủ (theo luật thành lập nội các). Hội đồng có nhiệm vụ xây dựng chiến lược phát triển KH&CN nhằm đáp ứng những yêu cầu của xã hội một cách thỏa đáng và kịp thời.

Hội đồng gồm 14 thành viên cộng với Thủ tướng là Chủ tịch Hội đồng, trong đó có 6 Bộ trưởng. Trong số 8 thành viên còn lại đều là thành viên chuyên trách (ba nhà khoa học và một nhà cựu doanh nghiệp), trong đó có Chủ tịch của Hội đồng khoa học Nhật bản (SCJ).

Hội đồng họp 1 tháng 1 lần. Thủ tướng thường xuyên dự họp. Trước đây (trước 2001, Hội đồng cũ) Hội đồng chỉ họp 1 năm vài ba lần, nhưng từ 2001 đến nay, do Thủ tướng thấy tầm quan trọng của KH&CN trong việc thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, Hội đồng họp nhiều hơn, đều đặn để giải quyết những vấn đề bức bách của phát triển KHCN (Nhật bản thấy rõ đã có nguy cơ trì trệ, có thể dẫn đến tụt hậu nhất là trong lĩnh vực chế tạo đang bị cạnh tranh gay gắt không những bởi Mỹ và Tây Âu mà ngay cả Trung Quốc và các nước khác).

Những vấn đề Hội đồng thảo luận chủ yếu là từ ý tưởng của Thủ tướng. Hội đồng thảo luận sơ bộ và tìm cách tham khảo ý kiến của các Bộ, ngành, sau đó tập trung xử lý những vấn đề có tính liên ngành mà một Bộ không giải quyết được để trình Thủ tướng.

Hội đồng có 7 chuyên đề và nhóm chuyên gia sinh hoạt thường xuyên (hàng tháng) do các thành viên Hội đồng chủ trì theo các lĩnh vực:

- + Chính sách cơ bản
- + Chiến lược xúc tiến các lĩnh vực ưu tiên
- + Cải cách hệ thống KH&CN
- + Quản lý sở hữu trí tuệ
- + Đánh giá KHCN
- + Công nghệ sinh học
- + Phát triển nghiên cứu và sử dụng không gian.

Hàng tuần, với sự tham dự của Bộ trưởng chuyên trách về Chính sách KHCN, Chủ tịch Hội đồng Khoa học Nhật Bản (SCJ) và các ủy viên thường trực có các cuộc họp để chuẩn bị cho các phiên họp toàn thể Hội đồng.

Cùng với Bộ Tài chính, Hội đồng tham gia chuẩn bị cho việc phân bổ ngân sách KHCN của Chính phủ (khoảng 33 tỷ USD) trong đó có việc hướng dẫn các bộ, ngành chuẩn bị đề xuất xin ngân sách, lưu ý các ưu tiên và góp ý với Chính phủ về dự trù ngân sách KHCN do Bộ Tài chính thực hiện trước khi Chính phủ ban hành.

Một vấn đề được Hội đồng chính sách KHCN của Nhật bản chia sẻ kinh nghiệm là vấn đề “pháp nhân hóa” các trường đại học. Khái niệm này được giải thích rằng đây không phải là tư thực hóa các trường đại học quốc lập mà là tạo cho các trường đại học có quyền tự chủ về quản lý. Việc “pháp nhân hóa” (National University Corporation) sẽ làm cho trường đại học năng động hơn, có thêm nhiều kinh phí từ các nghiên cứu cạnh tranh (các nghiên cứu cơ bản thuần túy Nhà nước vẫn tài trợ hoàn toàn), trong khi đó các trường vẫn nhận kinh phí từ Ngân sách nhà nước khoảng 50% (trong khi các trường tư chỉ nhận khoảng 12%). Nhưng các nhà giáo ở các trường đại học pháp nhân hóa không còn là viên chức nhà nước; họ có nhiều tự do hơn trong công việc của mình.

Kinh nghiệm Hàn Quốc - Hội đồng Cố vấn Tổng thống về Khoa học và Công nghệ

Hàn Quốc là một mô hình kinh tế đáng học tập trong chuyển đổi kinh tế. Tại Hàn Quốc, các chính sách ĐMST được điều phối chặt chẽ giữa Bộ Khoa học và CNTT (MSIT), Bộ Kinh tế và Tài chính (MOEF), và Bộ Thương mại, Công nghiệp và Năng lượng (MOTIE) với vai trò ngày càng lớn. Theo thời gian, các nhà hoạch định chính sách ở Hàn Quốc đã phát triển các chính sách ĐMST - R&D và phi R&D - phù hợp với các ưu tiên phát triển liên tục thay đổi và với bối cảnh quốc gia và toàn cầu. Do tính chất đa diện của đổi mới, các cơ chế điều phối chính sách và thể chế đóng vai trò quyết định trong thành công của Hàn Quốc. Các cơ chế thể chế và điều phối có thể đa tầng: i) cấp chiến lược đặt ra các mục tiêu phát triển kinh tế quốc gia và tập hợp các bên liên quan của các bộ/cơ quan về đổi mới để hiện thực hóa mục tiêu; ii) sự phối hợp của các bộ chủ chốt; và iii) sự phối hợp ở cấp kỹ thuật để thiết kế và triển khai chính sách đổi mới và cạnh tranh.

Tại Hàn Quốc, Hội đồng Cố vấn Tổng thống về Khoa học và Công nghệ (PACST), là một hội đồng quốc gia, do Tổng thống làm chủ tịch, có mục tiêu áp dụng đổi mới trong khoa học và công nghệ. PACST xem xét về các vấn đề liên quan đến các dự án R&D quốc gia cũng như điều phối các chính sách và kế hoạch lớn để thúc đẩy khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo nói chung. Các chức năng cụ thể của PACST bao gồm:

- Xây dựng và điều phối các chính sách và kế hoạch lớn để thúc đẩy khoa học và công nghệ;
- Phân bổ ngân sách và điều chỉnh cho R&D hàng năm và khuyến nghị cho các tổ chức KH&CN nhà nước; và
- Đánh giá các dự án nghiên cứu và phát triển và quốc gia và thực hiện thanh tra

Thành viên: Là cơ chế liên ngành, hội đồng bao gồm thành viên dân sự từ các học viện và khu vực tư nhân. PACST bao gồm một số ủy ban dựa trên các lĩnh vực ưu tiên và yêu cầu chuyên môn. Ủy ban R&D được Văn phòng STI của MSIT hỗ trợ.

Ủy ban Đặc biệt về Động cơ Tăng trưởng Đổi mới, do Thứ trưởng Bộ Khoa học, Công nghệ và Đổi mới chủ trì, phù hợp với việc điều phối chính sách cho các hoạt động đổi mới phi R&D. Bao gồm các quan chức chính phủ từ các bộ và cơ quan chính liên quan đến đổi mới sáng tạo bao gồm Bộ Khoa học và CNTT (MSIT), Bộ Kinh tế và Tài chính (MOEF), và Bộ Thương mại, Công nghiệp và Năng lượng (MOTIE), Bộ Doanh nghiệp vừa và nhỏ và Khởi nghiệp (MSS), và Bộ Quốc phòng (MND), cũng như chuyên gia từ giới nghiên cứu và khu vực tư nhân. Ủy ban này điều phối chính sách và chương trình của chính phủ về các động cơ thể hệ tiếp theo cho tăng trưởng đổi mới sáng tạo.

Kinh nghiệm Hà Lan - Hội đồng Chính sách Khoa học và Công nghệ

Hội đồng Chính sách Khoa học và Công nghệ Hà Lan (AWT) là Hội đồng tư vấn về chính sách khoa học và công nghệ cho Chính phủ và Quốc hội. Hội đồng được thành lập vào năm 1990, với 12 thành viên hiện đang hoạt động tại các lĩnh vực khác nhau, do Bộ Giáo dục, Văn hoá và Khoa học, phối hợp với Bộ Kinh tế đề cử danh sách uỷ viên Hội đồng lên Chính phủ. Sau khi Chính phủ thảo luận và thông qua danh sách này được trình lên Nữ hoàng ký bổ nhiệm.

Trong số 12 thành viên Hội đồng có một nửa là các nhà khoa học và công nghệ, và một nửa là các nhà doanh nghiệp. Ban thư ký của Hội đồng có 15 người, trong đó có 10 người là chuyên trách. Mỗi tháng Hội đồng họp một lần, bên cạnh đó Hội đồng còn tổ chức họp chuyên đề.

Hội đồng tư vấn cho Chính phủ và Quốc hội về những vấn đề liên quan đến chủ trương chính sách, như: chính sách đổi mới, chính sách và chủ trương đầu tư, vị trí của Hà Lan trong chính sách khoa học của EU, bình đẳng giới trong khoa học và công nghệ, đầu tư cho R&D của các công ty, .v.v.

Mỗi năm Hội đồng có 6 – 8 báo cáo tư vấn và khoảng 3 bản tin AWT – Newsletter. Ngoài ra còn có các thư góp ý kiến về những vấn đề cụ thể.

Ý kiến tư vấn của Hội đồng được gửi đồng thời cho Chính phủ và cho Quốc hội. Theo quy định, sau khi nhận được ý kiến của Hội đồng, trong vòng 3 tháng, Chính phủ phải có ý kiến phản hồi (đồng ý hay không, tại sao không đồng ý với ý kiến tư vấn của Hội đồng).

Theo Chủ tịch Hội đồng Chính sách Khoa học và Công nghệ Hà Lan thì có khoảng 80 - 85% ý kiến của Hội đồng được Chính phủ đồng ý thực hiện.

PHỤ LỤC 2 –MỘT SỐ TỔ CHỨC PHỐI HỢP LIÊN NGÀNH CÓ HOẠT ĐỘNG GẦN VỚI HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO

Tên tổ chức	Lĩnh vực phối hợp liên ngành	Chức năng hoạt động	Cơ cấu tổ chức	Nguồn
Ủy Ban Quốc Gia Về Chính Phủ Điện Tử	Các vấn đề liên quan đến xây dựng, phát triển chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số, chuyển đổi số, kinh tế số và đô thị thông minh	1. Nghiên cứu, đề xuất với Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về chủ trương, chiến lược, cơ chế, chính sách tạo môi trường pháp lý thúc đẩy xây dựng, phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số, chuyển đổi số, kinh tế số và đô thị thông minh; tạo thuận lợi cho việc triển khai Cách mạng công nghiệp lần thứ tư tại Việt Nam. 2. Giúp Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo các bộ, ngành, địa phương thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp xây dựng, phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số, chuyển đổi số, kinh tế số và đô thị thông minh. 3. Giúp Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ điều phối, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện các chiến lược, chương trình, cơ chế, chính sách, đề án, dự án, giải pháp có tính chất liên ngành về xây dựng, phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số, chuyển đổi số, kinh tế số và đô thị thông minh. 4. Cho ý kiến về các chiến lược, chương trình, cơ chế, chính sách, đề án, dự án liên quan đến xây dựng, phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số, chuyển đổi số, kinh tế số và đô thị thông minh thuộc thẩm quyền quyết định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ. 5. Sơ kết, đánh giá tình hình, kết quả triển khai các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm xây dựng, phát triển Chính phủ điện tử	Thành phần Ủy ban 1. Chủ tịch Ủy ban: Thủ tướng Chính phủ. 2. Phó Chủ tịch thường trực Ủy ban: Phó Thủ tướng Chính phủ Vũ Đức Đam. 3. Phó Chủ tịch Ủy ban: Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông. 4. Các Ủy viên Ủy ban: - Bộ trưởng Bộ Công an; - Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ; - Bộ trưởng Bộ Công Thương; - Bộ trưởng Bộ Xây dựng; - Bộ trưởng Bộ Tài chính; - Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; - Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ; - Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Thứ trưởng Bộ Nội vụ; - Thứ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông; - Trưởng ban Ban Cơ yếu Chính phủ; - Chủ tịch kiêm Tổng Giám đốc Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội;	Quyết định 701/QĐ-Ttg ngày 26/05/2020 về Kiện toàn Ủy ban Quốc gia về Chính phủ điện tử

		tử hướng tới Chính phủ số, chuyển đổi số, kinh tế số và đô thị thông minh. 6. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo yêu cầu của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.	- Chủ tịch Hội đồng thành viên Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam; - Chủ tịch Hội đồng thành viên Tổng công ty Bưu điện Việt Nam; - Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần FPT. Tổ công tác giúp việc Ủy ban (sau đây gọi tắt là Tổ công tác) đặt tại Bộ Thông tin và Truyền thông do Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông làm Tổ trưởng và có Tổ phó gồm Thứ trưởng các Bộ: Thông tin và Truyền thông, Công Thương, Xây dựng, lãnh đạo Ủy ban Quản lý vốn Nhà nước tại doanh nghiệp. Tổ công tác gồm đại diện lãnh đạo cấp Vụ của các Bộ, cơ quan: Công an, Công Thương, Giáo dục và Đào tạo, Kế hoạch và Đầu tư, Khoa học và Công nghệ, Nội vụ, Quốc phòng, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Thông tin và Truyền thông, Tư pháp, Xây dựng, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Ủy ban Quản lý vốn Nhà nước tại doanh nghiệp, Ban Cơ yếu Chính phủ, lãnh đạo và chuyên gia Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông quân đội, Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam, Tổng Công ty Bưu điện Việt Nam, Công ty Cổ phần FPT và một số chuyên gia về Chính phủ điện tử, Chính phủ số, chuyển đổi số, kinh tế số, đô thị thông minh, xã hội số trong nước và quốc tế. Trong trường hợp cần thiết, Tổ công tác được huy động các chuyên gia tư vấn trong và ngoài nước để thực hiện nhiệm vụ được giao. Bộ Thông tin và Truyền thông làm nhiệm vụ thường trực của Tổ công tác; bảo đảm các điều kiện cần thiết cho hoạt động của Ủy ban và Tổ công tác.	
Ủy ban Quốc gia về ứng dụng công nghệ thông tin	Các vấn đề liên quan đến thúc đẩy phát triển và ứng dụng công nghệ thông tin trong các cơ quan nhà nước, các ngành, lĩnh vực trọng điểm	1. Tham mưu giúp Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về chủ trương, chiến lược, cơ chế chính sách để thúc đẩy phát triển và ứng dụng công nghệ thông tin trong các cơ quan nhà nước, các ngành, lĩnh vực trọng điểm và trong toàn xã hội. 2. Chỉ đạo các Bộ, ngành, địa phương trong việc phát triển và ứng dụng công nghệ thông tin nhằm đẩy mạnh tái cơ cấu nền kinh tế, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia, phát triển kinh tế - xã hội.	Thành phần ủy ban 1. Chủ tịch Ủy ban: Thủ tướng Chính phủ. 2. Phó Chủ tịch Ủy ban: Phó Thủ tướng Chính phủ Vũ Đức Đam. 3. Các Ủy viên thường trực: - Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông;	Quyết định 109/QĐ-TTg ngày 15/01/2014 về thành lập Ủy ban Quốc gia về ứng dụng công nghệ thông tin

	và trong toàn xã hội 3. Cho ý kiến về các cơ chế, chính sách, các chương trình, dự án lớn về phát triển và ứng dụng công nghệ thông tin. 4. Giúp Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ điều phối, đôn đốc việc thực hiện các chiến lược, chương trình, dự án quan trọng có tính chất liên ngành về phát triển và ứng dụng công nghệ thông tin. 5. Các nhiệm vụ khác theo yêu cầu của Thủ tướng Chính phủ và cấp có thẩm quyền.	- Bộ trưởng Bộ Tài chính; - Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. 4. Các Ủy viên: - Lãnh đạo Văn phòng Chính phủ; - Lãnh đạo Bộ Thông tin và Truyền thông; - Lãnh đạo Bộ Khoa học và Công nghệ; - Lãnh đạo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; - Lãnh đạo Bộ Công Thương; - Lãnh đạo Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; - Lãnh đạo Bộ Y tế; - Lãnh đạo Bộ Xây dựng; - Lãnh đạo Bộ Giao thông vận tải; - Lãnh đạo Bộ Nội vụ; - Lãnh đạo Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Lãnh đạo Bộ Quốc phòng; - Lãnh đạo Bộ Công an; - Lãnh đạo Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; - Lãnh đạo Văn phòng Trung ương Đảng; - Lãnh đạo Ban Kinh tế Trung ương; - Lãnh đạo Văn phòng Quốc hội; - Tổng Thư ký Ủy ban. <i>Tổ công tác giúp việc Ủy ban</i> Bộ phận giúp việc cho Ủy ban đặt tại Văn phòng Chính phủ, gồm Tổng Thư ký Ủy ban và một số cán bộ của Văn phòng Chính phủ. Bộ phận giúp việc có nhiệm vụ: Xây dựng chương trình, kế hoạch công tác của Ủy ban; điều hòa, phối hợp, đôn	
--	---	---	--

			độc việc thực hiện nhiệm vụ của các Bộ, ngành, địa phương; tổng hợp, báo cáo các hoạt động chung của Ủy ban; hỗ trợ công tác cho Hội đồng tư vấn; và các nhiệm vụ khác do Chủ tịch Ủy ban giao.	
Ủy ban Quốc gia về Biển đổi khí hậu	Các vấn đề liên quan đến biến đổi khí hậu	1. Nghiên cứu, đề xuất với Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ phương hướng, giải pháp để giải quyết những hoạt động ứng phó với biến đổi khí hậu quan trọng, mang tính liên ngành, lĩnh vực. 2. Giúp Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo, điều hòa, phối hợp giữa các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ trong việc giải quyết những vấn đề quan trọng, liên ngành, các chiến lược, chương trình quốc gia về biến đổi khí hậu, chương trình tăng trưởng xanh, chương trình sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả, chương trình giảm phát thải khí nhà kính thông qua chống mất rừng và suy thoái rừng và các chương trình khác có liên quan đến ứng phó với biến đổi khí hậu. 3. Chỉ đạo, điều phối, theo dõi, đôn đốc việc thực hiện các chiến lược, chương trình về biến đổi khí hậu bảo đảm hiệu quả, đồng bộ và thống nhất. 4. Giúp Thủ tướng Chính phủ đôn đốc các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ trong việc thực hiện những vấn đề quan trọng, liên ngành, lĩnh vực trong ứng phó với biến đổi khí hậu. 5. Chỉ đạo, tổ chức thực hiện các hoạt động hợp tác quốc tế, vận động tài trợ, đàm phán gia nhập điều ước, tổ chức quốc tế về biến đổi khí hậu; đàm phán và tổ chức thực hiện các dự án, đề án hợp tác quốc tế về biến đổi khí hậu. 6. Ủy ban có nhiệm vụ tư vấn cho Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ trước khi quyết định các vấn đề về: a) Các chủ trương, phương hướng, biện pháp lớn ứng phó với biến đổi khí hậu; chiến lược, chương trình, quy hoạch trung và dài hạn về ứng phó với biến đổi khí hậu của Việt Nam;	Thành phần Ủy ban 1. Chủ tịch: Thủ tướng Chính phủ. 2. Các Phó Chủ tịch: a) Phó Chủ tịch thường trực: Phó Thủ tướng Chính phủ Hoàng Trung Hải; b) Phó Chủ tịch: Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường. 3. Các Ủy viên: a) Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ; Bộ trưởng các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư; Tài chính; Khoa học và Công nghệ; Ngoại giao; Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Quốc phòng; Công an; Xây dựng; Giao thông vận tải; Y tế; Công thương; b) Đại diện lãnh đạo Ủy ban Khoa học, Công nghệ và Môi trường của Quốc hội; c) Đại diện lãnh đạo Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; d) Phó Trưởng Ban Thường trực Ban Chỉ đạo Tây Nam Bộ; đ) Chủ tịch các Viện: Khoa học và Công nghệ Việt Nam; Khoa học Xã hội Việt Nam; e) Chủ tịch Liên hiệp các hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam; g) Một Thứ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường; h) Một số chuyên gia quản lý, nhà nghiên cứu khoa học liên quan đến lĩnh vực biến đổi khí hậu. Giao Phó Chủ tịch thường trực Ủy ban phê duyệt danh sách thành viên Ủy ban theo văn bản cử người của các Bộ, ngành. Tổ công tác giúp việc Ủy ban	Quyết định số 43/QĐ-Ttg về việc thành lập ủy ban quốc gia về biến đổi khí hậu

		b) Phương hướng, quan điểm tiếp cận của Việt Nam với vấn đề biến đổi khí hậu trong các lĩnh vực, vấn đề trọng điểm; c) Các vấn đề liên quan đến biến đổi khí hậu trong các cơ chế, thể chế, chính sách, chương trình, dự án đầu tư cấp quốc gia hoặc công trình quan trọng thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Quốc hội; d) Các hoạt động hợp tác quốc tế quan trọng, tham gia các điều ước quốc tế về biến đổi khí hậu của Việt Nam; đ) Các văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền ban hành của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ liên quan đến ứng phó với biến đổi khí hậu. 7. Các nhiệm vụ khác theo yêu cầu của Thủ tướng Chính phủ và cấp có thẩm quyền.	1. Bộ Tài nguyên và Môi trường là cơ quan thường trực của Ủy ban, giúp Chủ tịch Ủy ban trong việc xây dựng chương trình, kế hoạch công tác của Ủy ban; điều hòa, phối hợp kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện các nhiệm vụ của các Bộ, ngành, địa phương; tổng hợp, báo cáo các hoạt động chung về hoạt động ứng phó với biến đổi khí hậu; thực hiện một số nhiệm vụ khác do Chủ tịch Ủy ban giao. 2. Văn phòng Ủy ban Quốc gia về biến đổi khí hậu là cơ quan giúp việc cho Ủy ban Quốc gia về biến đổi khí hậu đặt tại Bộ Tài nguyên và Môi trường do Cục trưởng Cục Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu làm Chánh Văn phòng. Văn phòng có biên chế riêng, có con dấu và tài khoản theo quy định của pháp luật. Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, Phó Chủ tịch Ủy ban quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Văn phòng Ủy ban Quốc gia về biến đổi khí hậu. 3. Giao Phó Chủ tịch Ủy ban, Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quyết định thành lập Hội đồng tư vấn các vấn đề chuyên môn cho Ủy ban sau khi được sự chấp thuận của Chủ tịch Ủy ban, Thủ tướng Chính phủ.	
Hội Đồng Chính Sách Khoa Học Và Công Nghệ Quốc Gia	Các vấn đề liên quan đến phát triển khoa học và công nghệ Việt Nam	1. Hội đồng có nhiệm vụ đề xuất ý kiến với Thủ tướng Chính phủ trước khi Thủ tướng Chính phủ quyết định về: a) Phương hướng, chiến lược, quy hoạch phát triển khoa học và công nghệ quốc gia; b) Chính sách lớn thúc đẩy phát triển khoa học và công nghệ quốc gia, các chương trình khoa học và công nghệ cấp nhà nước, các lĩnh vực và sản phẩm khoa học và công nghệ trọng điểm quốc gia; c) Các chỉ tiêu chủ yếu của kế hoạch khoa học và công nghệ 5 năm, hàng năm; d) Vấn đề đổi mới cơ chế quản lý khoa học và công nghệ, đặc biệt là đổi mới cơ chế tài chính, sử dụng hiệu quả nguồn vốn từ ngân sách nhà nước, phát triển nguồn nhân lực khoa học và công nghệ;	1. Hội đồng gồm Chủ tịch Hội đồng, các Phó Chủ tịch Hội đồng, Tổng thư ký Hội đồng và các Ủy viên Hội đồng do Thủ tướng Chính phủ quyết định. 2. Hội đồng mời một số chuyên gia cao cấp là các nhà khoa học đã hoặc đang làm việc trong các cơ sở nghiên cứu khoa học, giáo dục đào tạo, một số cơ quan quản lý nhà nước và doanh nghiệp tham gia các hoạt động của Hội đồng với tư cách là chuyên gia của Hội đồng. 3. Hội đồng có các nhóm chuyên môn được thành lập phù hợp với chương trình hoạt động nhiệm kỳ của Hội đồng. 4. Giúp việc cho Hội đồng có Văn phòng Hội đồng (sau đây gọi tắt là Văn phòng). Văn phòng có một số biên chế chuyên trách nằm trong tổng biên chế của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số cán bộ làm việc theo chế độ hợp đồng lao động. Cơ cấu tổ	Quyết định 85/2009/QĐ-TTg về việc Phê duyệt Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng Chính sách khoa học và công nghệ quốc gia

		đ) Các vấn đề khoa học và công nghệ liên quan tới chương trình, dự án lớn về kinh tế - xã hội, quản lý, sử dụng tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường; e) Các văn bản quy phạm pháp luật của Nhà nước về khoa học và công nghệ; g) Chính sách đối với cán bộ khoa học và công nghệ, chính sách đào tạo tài năng trẻ và thu hút trí thức là người Việt Nam ở nước ngoài tham gia hoạt động trong lĩnh vực khoa học và công nghệ. 2. Tham gia tư vấn, phản biện các vấn đề quan trọng khác có liên quan đến phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh. 3. Thực hiện các nhiệm vụ cụ thể được Thủ tướng Chính phủ giao.	chức của Văn phòng do Chủ tịch Hội đồng quyết định trên cơ sở thỏa thuận với Bộ Nội vụ.	
Hội Đồng Quốc Gia Giáo Dục Và Phát Triển Nhân Lực	Các vấn đề liên quan đến phát triển giáo dục, đào tạo và nhân lực	1. Tư vấn giúp Thủ tướng Chính phủ: - Chỉ đạo đánh giá, tổng kết về sự nghiệp đổi mới trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo và phát triển nhân lực. - Chỉ đạo hoàn thiện và triển khai các Luật giáo dục, Luật giáo dục đại học, Luật giáo dục nghề nghiệp, Khung cơ cấu hệ thống giáo dục quốc dân, Khung trình độ giáo dục quốc gia, các chiến lược phát triển giáo dục, giáo dục nghề nghiệp, chiến lược và quy hoạch phát triển nhân lực Việt Nam trong giai đoạn 2016 - 2021. 2. Nghiên cứu, tư vấn giúp Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ trong việc chỉ đạo, điều hành, quyết định các chính sách, biện pháp quan trọng phát triển giáo dục, đào tạo, giáo dục nghề nghiệp và phát triển nhân lực. 3. Nghiên cứu, tư vấn, góp ý kiến về việc xây dựng và triển khai các cơ chế, chính sách, đề án quan trọng thuộc lĩnh vực giáo dục, đào tạo, giáo dục nghề nghiệp và những vấn đề chuyên môn khác do Thủ tướng Chính phủ yêu cầu.	Thành phần Hội đồng 1. Chủ tịch Hội đồng: Thủ tướng Chính phủ. 2. Phó Chủ tịch Hội đồng: Phó Thủ tướng Chính phủ Vũ Đức Đam. 3. Ủy viên thường trực: Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo 4. Các ủy viên khác (23 Ủy viên): - Lãnh đạo Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội - Lãnh đạo Bộ Y tế - và lãnh đạo của một số trường đại học, viện khoa học, và một số nhà khoa học Cơ quan thường trực của Hội đồng là Bộ Giáo dục và Đào tạo. Thường trực Hội đồng có cơ quan giúp việc là Văn phòng Hội đồng do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quyết định thành lập. Văn phòng Hội đồng có biên chế công chức thuộc Bộ Giáo	Quyết định 337/QĐ-TTg ngày 17/03/2017 về việc thành lập Hội Đồng Quốc Gia Giáo Dục Và Phát Triển Nhân Lực

			dục và Đào tạo, làm việc theo chế độ chuyên trách hoặc kiêm nhiệm.	
Hội Đồng Quốc Gia Về Phát Triển Bền Vững Và Nâng Cao Năng Lực Cạnh Tranh	Các vấn đề liên quan đến phát triển bền vững và nâng cao năng lực cạnh tranh.	1. Tham mưu, tư vấn giúp Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo: a) Xây dựng, thực hiện các chiến lược, chính sách, các kế hoạch, chương trình, nhiệm vụ, giải pháp để thực hiện có hiệu quả Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững; cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng suất lao động, năng lực cạnh tranh quốc gia; thực hiện Báo cáo Việt Nam 2035. b) Tổng kết kết quả thực hiện cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh, các mục tiêu phát triển bền vững và Báo cáo Việt Nam 2035. Định kỳ xây dựng báo cáo quốc gia về phát triển bền vững, năng lực cạnh tranh và về kết quả thực hiện Báo cáo Việt Nam 2035. c) Tổ chức Hội nghị toàn quốc hàng năm về phát triển bền vững, nâng cao năng lực cạnh tranh, thực hiện Báo cáo Việt Nam 2035. 2. Trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ các báo cáo tư vấn, kiến nghị về các giải pháp nhằm thúc đẩy phát triển bền vững, nâng cao năng suất lao động, năng lực cạnh tranh; kết quả thực hiện đổi mới sáng tạo và nâng cao tiềm lực khoa học công nghệ, tăng cường năng lực tiếp cận cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4. 3. Thực hiện các nhiệm vụ khác do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao.	Thành phần Hội đồng 1. Chủ tịch Hội đồng: Phó Thủ tướng Chính phủ Vũ Đức Đam. 2. Các Phó Chủ tịch: - Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Phó Chủ tịch thường trực; - Bộ trưởng Bộ Lao động Thương binh và Xã hội; - Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ; - Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. 3. Các Ủy viên Hội đồng: - Lãnh đạo Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Lãnh đạo Văn phòng Chính phủ; - Lãnh đạo Bộ Ngoại giao; - Lãnh đạo Bộ Tài chính; - Lãnh đạo Bộ Công Thương; - Lãnh đạo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; - Lãnh đạo Bộ Thông tin và Truyền thông; - Lãnh đạo Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; - Lãnh đạo Bộ Y tế; - Lãnh đạo Bộ Xây dựng; - Lãnh đạo Bộ Giao thông vận tải; - Lãnh đạo Ủy ban Dân tộc; - Lãnh đạo Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam; - Lãnh đạo Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam; - Lãnh đạo Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam;	Quyết định số 419/QĐ-TTg ngày 18/04/2018 về việc kiện toàn Hội đồng Quốc gia về Phát triển bền vững và Nâng cao năng lực cạnh tranh

			- Lãnh đạo Hiệp hội doanh nghiệp nhỏ và vừa; - Một số chuyên gia do Chủ tịch Hội đồng quyết định mời; - Tổng Thư ký Hội đồng. <i>Cơ quan giúp việc của Chủ tịch Hội đồng và các Ủy ban chuyên môn</i> a) Giúp việc cho Chủ tịch Hội đồng là Văn phòng Chính phủ; b) Giúp việc cho Ủy ban chuyên môn của Hội đồng là Bộ chủ trì Ủy ban chuyên môn. Bộ trưởng, Chủ tịch Ủy ban chuyên môn sử dụng bộ máy của Bộ để giúp việc cho Ủy ban chuyên môn theo nguyên tắc bố trí công chức kiêm nhiệm, không tăng biên chế, không làm phát sinh tổ chức mới.	
--	--	--	---	--